



BÀI 7: đ, e

1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:

- Nhận biết các âm và chữ cái **đ, e**; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **đ, e** với các mô hình “âm đầu + âm chính + thanh”.
- Nhìn tranh, ảnh minh họa, phát âm và tự phát hiện được tiếng có âm **đ**, âm **e**
- Biết viết trên bảng con các chữ **đ** và **e** và tiếng **đe**.

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.
- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

- Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật.
- Bảng cài, bộ thẻ chữ, đủ cho mỗi học sinh làm bài tập 5.
- **Bảng con, phấn, bút dạ** để học sinh làm bài tập 6 (tập viết).
- Vở Bài tập Tiếng Việt.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Tiết 1

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) - Ổn định - Kiểm tra bài cũ + GV gọi học đọc các chữ cờ, da + GV cho học sinh nhận xét bài đọc	- 2 HS đọc bài

- Giới thiệu bài

+ Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay các em sẽ học bài về âm đ và chữ đ; âm e và chữ e.

+ GV ghi chữ đ, nói: đ (đờ)

+ GV ghi chữ e, nói: e

+ GV nhận xét, sửa lỗi phát âm cho HS

- Lắng nghe

- 4-5 em, cả lớp: đờ

- Cá nhân, cả lớp: e

2. Các hoạt động chủ yếu. (35 phút)

Hoạt động 1. Khám phá (15 phút)

Mục tiêu: Nhận biết các âm và chữ cái **đ, e**; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **đ, e** với các mô hình “âm đầu + âm chính + thanh”

* Dạy âm a, c

- GV đưa lên bảng cái ca

- Đây là cái gì?

- GV chỉ tiếng **ca**

- HS quan sát

- HS: Đây là cái ca

- HS nhận biết c, a

- HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: ca

- GV nhận xét

* Phân tích

- Giáo viên trình chiếu hình ảnh cái đe của thợ rèn.



+ Đây là cái gì?

- HS quan sát

+ HS trả lời (nếu trả lời được)

- GV giới thiệu: Đây là cái đe của thợ rèn, thường thấy ở làng quê ngày xưa. Bây giờ các em hiểm khi nhìn thấy cái đe. Cái đe làm bằng sắt rất nặng. Thợ rèn đặt thanh sắt đã nung đỏ lên đe, dùng búa sắt đập mạnh để làm mỏng thanh sắt, rèn dao, liềm,...

- GV viết bảng chữ đe và mô hình chữ đe

- GV chỉ tiếng đe và mô hình tiếng đe

đe	
đ	e

- GV hỏi: Tiếng ca gồm những âm nào?



*** Đánh vần.**

- Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay:

+ Chập hai tay vào nhau để trước mặt, phát âm: **đ**

+ Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: **e**

+ Vừa tách bàn tay phải ra, ngả về bên phải, vừa phát âm: **đe**

+ Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: **đe**.

- GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với

- Lắng nghe.

- Theo dõi

- HS trả lời nối tiếp: Tiếng đe gồm có âm đ và âm e. Âm đ đứng trước và âm e đứng sau.

- Quan sát và cùng làm với GV

- HS làm và phát âm cùng GV

- HS làm và phát âm cùng GV

- HS làm và phát âm cùng GV

- HS làm và phát âm cùng GV

tốc độ nhanh dần: **đờ-e-đe**

*** *Củng cố:***

- Các em vừa học hai chữ mới là chữ gì?
- Các em vừa học tiếng mới là tiếng gì?
- GV chỉ mô hình tiếng **đe**

- HS làm và phát âm cùng GV theo từng tổ.
- Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: **đờ-e-đe**
- Cả lớp đánh vần: **đờ-e-đe**
- Chữ **đ** và chữ **e**
- Tiếng **đe**
- HS đánh vần, đọc trơn: **đờ-e-đe, đe**

2. Hoạt động: Luyện tập (20 phút)

*** Mục tiêu:** Nhìn tranh, ảnh minh họa, phát âm và tự phát hiện được tiếng có âm **đ**, âm **e**

2.1. Mở rộng vốn từ. (BT2: Tiếng nào có âm đ (ờ))

a. Xác định yêu cầu.

- GV nêu yêu cầu của bài tập: Các em nhìn vào SGK trang 18 (GV giơ sách mở trang 18 cho HS quan sát) rồi nói to tiếng có âm **đ**. Nói thầm (nói khẽ) tiếng không có âm **đ**

b. Nói tên sự vật

- GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật.
- GV chỉ từng hình yêu cầu cả lớp nói tên từng sự vật.
- Cho HS làm bài trong vở Bài tập

- Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 18.

- HS lần lượt nói tên từng con vật: **đèn, đồ, đàn, đá**
- HS nói đồng thanh
- HS làm cá nhân nối **đ** với từng hình chứa

c. Tìm tiếng có âm đ (đờ).

- GV làm mẫu:

+ GV chỉ hình đèn gọi học sinh nói tên sự vật.

+ GV chỉ hình ngỗng gọi học sinh nói tên con vật.

* Trường hợp học sinh không phát hiện ra tiếng có âm đ thì GV phát âm thật chậm, kéo dài để giúp HS phát hiện ra.

d. Báo cáo kết quả.

- GV chỉ từng hình mời học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi.



- GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả.

- GV chỉ từng hình yêu cầu học sinh nói.

- GV đố học sinh tìm 3 tiếng có âm đ (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh)

tiếng có âm đ trong vở bài tập.

- HS nói to đèn (vì tiếng đèn có âm đ)

- HS nói thầm ngỗng (vì tiếng ngỗng không có âm đ)

+ HS1 chỉ hình 1- HS2 nói to: đèn

+ HS1 chỉ hình 2- HS2 nói to: đồ

+ HS1 chỉ hình 3- HS2 nói to: đàn

+ HS1 chỉ hình 4- HS2 nói to: đá

+ HS1 chỉ hình 5- HS2 nói thầm: ngỗng

+ HS1 chỉ hình 6- HS2 nói nhỏ: lọ

- HS báo cáo cá nhân

- HS cả lớp đồng thanh nói to tiếng có âm đ, nói thầm tiếng không có âm đ.

- HS nói (đo, đồ, đào, đánh,...)

2.2. Mở rộng vốn từ. (Bài tập 3: Tìm tiếng có âm e)

a. Xác định yêu cầu của bài tập

- GV nêu yêu cầu bài tập: Vừa nói to tiếng có âm e vừa vỗ tay. Nói thầm tiếng không có âm e.

b. Nói tên sự vật.

- GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời 1 học sinh nói tên từng sự vật.

- GV chỉ từng hình yêu cầu cả lớp nhắc tên từng sự vật.

- Cho HS làm bài trong vở Bài tập

c. Báo cáo kết quả.

- GV chỉ từng hình mời học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi.

- GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả

- GV chỉ từng hình yêu cầu học sinh nói.

- HS theo dõi

- HS lần lượt nói tên từng con vật: ve, me, sẻ, xe, dứa, tre

- HS nói đồng thanh (nói to, nói nhỏ)

- HS làm cá nhân nối e với từng hình chứa tiếng có âm e trong vở bài tập

+ HS1 chỉ hình 1- HS2 nói to: ve vỗ tay 1 cái

+ HS1 chỉ hình 2- HS2 nói to: me vỗ tay 1 cái

+ HS1 chỉ hình 3- HS2 nói to: to: xe vỗ tay 1 cái

+ HS1 chỉ hình 4- HS2 nói to: to: sẻ vỗ tay 1 cái

+ HS1 chỉ hình 5- HS2 nói thầm: dứa không vỗ tay

+ HS1 chỉ hình 6- HS2 nói to: tre vỗ tay 1 cái

- HS báo cáo cá nhân

- HS cả lớp đồng thanh nói to tiếng có âm e,

- GV đố học sinh tìm 3 tiếng có âm c (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh) <i>* Củng cố:</i> + Các em vừa học 2 chữ mới là chữ gì? + Các em vừa học tiếng mới là tiếng gì? - Y/c Hs ghép tiếng đe - GV cùng HS nhận xét.	nói thầm tiếng không có âm e. - HS nói (bé, chè, vẽ...) - Chữ đ và chữ e - Tiếng đe - HS ghép bảng cài tiếng đe
Tiết 2	
2.4. Tập đọc a. Luyện đọc từ ngữ. - GV hướng dẫn học sinh đọc từ dưới mỗi hình: + GV ghi chữ dưới hình 1 + Giải nghĩa từ đa: Loài cây to, có rễ mọc từ cành thông xuống đất, trồng để lấy bóng mát thường thấy ở làng quê Việt Nam. + GV ghi chữ dưới hình 2 + Giải nghĩa từ đò: con đò còn gọi là con	- HS đánh vần (hoặc đọc trơn) - HS đọc (cá nhân – lớp): đờ - a - đa - HS đọc (cá nhân – lớp): đò

thuyền chuyên dùng để chở khách sang sông

+ GV ghi chữ dưới hình 3

+ Trong bài là hình ảnh một bạn đang ra cầu đố.

+ GV ghi chữ dưới hình 4

+ Trong bài là hình ảnh hai chiếc ghế bị đố

+ GV ghi chữ dưới hình 5

+ Hạt dẻ là một loại hạt tròn nhỏ như ngón tay. Luộc, nướng ăn rất thơm và bùi.

- GV chỉ hình theo các thứ tự đảo lộn

b. Giáo viên đọc mẫu:

- GV đọc mẫu 1 lần: đa, đồ, đố, đồ, dẻ

c. Thi đọc cả bài.

- GV tổ chức cho học sinh thi đọc theo cặp.

- GV cùng học sinh nhận xét

- GV tổ chức cho học sinh thi đọc theo tổ.

- GV cùng học sinh nhận xét

- GV tổ chức cho học sinh thi đọc cá nhân.

- GV cùng học sinh nhận xét

* GV cho HS đọc lại những gì vừa học ở bài 7(dưới chân trang 18).

- HS đọc (cá nhân – lớp): đồ

- HS đọc (cá nhân – lớp): đồ

- HS đọc (cá nhân – lớp): dẻ

- HS đọc cá nhân

- HS nghe

- Từng cặp lên thi đọc cả bài

- Các tổ lên thi đọc cả bài

- Hs xung phong lên thi đọc cả bài

* Cả lớp nhìn SGK đọc cả 6 chữ vừa học trong tuần: o, ô, ơ, d, đ, e.

2.4. Tập viết (Bảng con – BT 5)

a. Viết: đ, e, đe

* Chuẩn bị.

- Yêu cầu HS lấy bảng con. GV hướng dẫn học sinh cách lấy bảng, cách đặt bảng con lên bàn, cách cầm phấn khoảng cách mắt đến bảng (25-30cm), cách giờ bảng, lau bảng nhẹ nhàng bằng khăn ẩm để tránh bụi.

* Làm mẫu.

- GV giới thiệu mẫu chữ viết thường **đ, e** cỡ vừa.

- GV chỉ bảng chữ **đ, e**

- GV vừa viết mẫu từng chữ và tiếng trên khung ô li phóng to trên bảng vừa hướng dẫn quy trình viết:

+ Chữ **đ**: Viết như chữ d. Điểm khác chữ d là có thêm nét thẳng ngang ngăn cắt ngang phía trên nét móc ngược.

+ Chữ **e**: Cao 2 li, rộng 1,5 li, gồm 2 nét: nét cong kín và nét móc ngược. Điểm đặt bút dưới đường kẻ 3. Từ điểm dừng bút của nét 1 lia bút lên dòng kẻ 3 viết tiếp nét móc ngược sát nét cong kín đến dòng kẻ 2 thì dừng lại.

+ Tiếng **đe**: viết chữ **đ** trước chữ **e** sau, chú ý nối giữa chữ **đ** với chữ **e**.

c. Thực hành viết

- HS lấy bảng, đặt bảng, lấy phấn theo yc của GV

- HS theo dõi

- HS đọc

- HS theo dõi

- Cho HS viết trên khoảng không - Cho HS viết bảng con - Cho học sinh viết đề <i>d. Báo cáo kết quả</i> - GV yêu cầu HS giơ bảng con - GV nhận xét - Cho HS viết chữ đề - GV nhận xét 3. Hoạt động nối tiếp: (2 phút) - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS. - Về nhà làm lại BT5 cùng người thân, xem trước bài 8 - GV khuyến khích HS tập viết chữ đ, e trên bảng con	- HS viết chữ đ, e và tiếng đe lên khoảng không trước mặt bằng ngón tay trỏ. - HS viết bài cá nhân trên bảng con chữ đ, e từ 2-3 lần. - HS viết bài cá nhân trên bảng chữ đe từ 2-3 lần - HS giơ bảng theo hiệu lệnh. - 3-4 HS giới thiệu bài trước lớp - HS khác nhận xét - HS xóa bảng viết tiếng đe 2-3 lần - HS giơ bảng theo hiệu lệnh. - HS khác nhận xét - Lắng nghe
---	--

TẬP VIẾT**ơ, d, đ, e****I. MỤC TIÊU:****1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

- Tô, viết đúng các chữ **ơ, d, đ, e**, các tiếng **cờ, da, đe** – chữ thường cỡ vừa đúng kiểu đều nét, đưa bút đúng quy trình viết, dẫn đúng khoảng cách giữa các con chữ theo mẫu chữ trong vở *Luyện viết 1*, tập một.

- Tô viết đúng các chữ số: **0, 1**.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:

- Khởi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

II. CHUẨN BỊ:

- Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài

- Bảng con, phấn, bút dạ để học sinh làm bài tập 6 (tập viết).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) - Ổn định - Kiểm tra bài cũ + GV gọi học đọc các chữ đã học ở bài 6, 7 + GV cho học sinh nhận xét bài đọc - Giới thiệu bài: + Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay các em sẽ tập tô và tập viết các chữ ơ, d, đ, e , các tiếng cờ, da, đe	 - Hát - 2 HS đọc - Lắng nghe
2. Các hoạt động chủ yếu. (35 phút)	

Hoạt động. Khám phá và luyện tập (35 phút)

Mục tiêu: Tô, viết đúng các chữ **ơ, d, đ, e**, các tiếng **cờ, da, đe** – chữ thường cỡ vừa đúng kiểu đều nét, đưa bút đúng quy trình viết, dẫn đúng khoảng cách giữa các con chữ theo mẫu

a. Đọc chữ ơ, d, đ, e, cờ, da, đe, 0, 1

- GV treo bảng phụ các chữ, tiếng và số cần viết.

- GV yêu cầu học sinh đọc

- GV nhận xét

- HS quan sát

- HS đọc (Tập thể-nhóm-cá nhân) các chữ, tiếng và số.

b. Tập tô, tập viết: ơ, cờ, d, da

- Gọi học sinh đọc *ơ, cờ, d, da*

- Yêu cầu học sinh nói cách viết tiếng *ơ, cờ, d, da*.

- GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ, tiếng vừa hướng dẫn:

+ Chữ *ơ*: gồm 1 nét cong kín, thêm 1 nét râu. Quy trình: Bắt đầu viết 1 nét cong kín. Sau đó đặt bút trên ĐK 3 một chút, viết thêm 1 nét râu bên cạnh (phía trên, bên phải) không nhỏ quá hoặc to quá.

+ Tiếng *cờ*: *c* viết trước, *ơ* viết sau, thanh huyền đặt trên đầu *ơ*. Chú ý viết *c* sát *ơ*.

- 2 HS đọc

- 2 HS nói cách viết

+ Tiếng *cờ*: chữ *c* (cao 2 li) viết trước, chữ *ơ* (cao 2 li) viết sau, thanh huyền đặt trên đầu con chữ *ơ*;

+ Tiếng *da*: chữ *d* (cao 4 li) viết trước, chữ *a* (cao 2 li) viết sau.

- HS theo dõi, viết lên không trung theo hướng dẫn của GV.

+ Chữ *d*: cao 4 li. Đặt bút dưới ĐK 3 viết nét cong kín. Từ điểm dừng bút lia bút lên ĐK 5 viết nét móc ngược sát nét cong kín, đến ĐK 2 thì dừng.

+ Tiếng *da*: *d* (cao 4 li) viết trước, *a* (cao 2 li) viết sau. Chú ý viết *d* sát *a*.

- GV cho HS làm việc cá nhân tô, viết các chữ *ơ*, *cờ*, *d*, *da*

- GV theo dõi, hỗ trợ HS

- HS tô, viết vào vở *Luyện viết 1*

b. Tập tô, tập viết: e, đ, đe

- Gọi học sinh đọc *e*, *đ*, *đe*

- Yêu cầu học sinh nói cách viết tiếng *e*, *đ*, *đe*

- 2 HS đọc

- 3 HS nói cách viết:

+ Chữ *e*

+ Chữ *đ*

+ Tiếng *đe*: chữ *đ* (cao 4 li) viết trước, chữ *e* (cao 2 li) viết sau.

- GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ, tiếng vừa hướng dẫn:

- HS theo dõi, viết lên không trung theo hướng dẫn của GV.

+ Chữ *e*: cao 2 li, Đặt bút cao hơn ĐK 1, viết nét cong phải từ dưới lên trên, lượn cong tới ĐK 3 rồi chuyển hướng viết tiếp nét cong trái tạo vòng khuyết ở đầu chữ *e* sao cho không to quá hoặc nhỏ quá. Dừng bút ở khoảng giữa ĐK 1 và ĐK 2.

+ Chữ *đ*: viết nét 1 và 2 giống chữ *d*. Từ

điểm dừng bút ở nét 2, lia bút lên ĐK 4 viết nét thẳng ngang ngắn (trùng đường kẻ) tạo thành chữ *đ*.

+ Tiếng da: viết *đ* (cao 4 li), *e* (cao 2 li) viết sau. Chú ý viết *đ* sát *e*.

- GV cho HS làm việc cá nhân tô, viết các chữ *e*, *đ*, *đe*

- GV theo dõi, hỗ trợ HS

- HS tô, viết vào vở *Luyện viết 1*

c. Tập tô, tập viết các chữ số: 0, 1

- GV vừa viết mẫu lần lượt từng số vừa hướng dẫn:

+ Số 0: Cao 4 li, là nét cong kín chiều cao gấp đôi chiều rộng. Cách viết: đặt bút dưới ĐK 5 một chút, viết nét cong kín từ phải sang trái. Dừng bút ở điểm xuất phát.

+ Số 1: Cao 4 li. Gồm 2 nét – nét 1 thẳng xiên, nét 2 thẳng đứng. Cách viết: Đặt bút trên ĐK 4, viết nét thẳng xiên đến ĐK 5 thì dừng. Từ điểm dừng bút của nét 1 chuyển hướng bút viết nét thẳng đứng xuống đến ĐK 1 thì dừng.

- GV cho HS làm việc cá nhân tô, viết các chữ *0*, *1*

- HS theo dõi, viết lên không trung theo hướng dẫn của GV.

- GV theo dõi, hỗ trợ HS

3. Hoạt động nối tiếp (2 phút):

- GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.

- Về nhà cùng người thân viết lại các chữ và số hôm nay vừa viết, xem trước

- HS tô, viết vào vở *Luyện viết 1*

- Lắng nghe

Tham khảo: <https://vndoc.com/giao-an-sach-canh-dieu>



vndoc